

Số: 1292/QĐ-ĐHYDCT

Cần Thơ, ngày 20 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định chuyển giao công nghệ của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ 07/2017/QH14;
Căn cứ Nghị định 76/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;
Căn cứ Quyết định 1020/QĐ-ĐHYDCT ngày 19/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường;
Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nghiên cứu khoa học và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chuyển giao công nghệ của Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông bà Trưởng Khoa, Phòng, Ban, Đơn vị thuộc Trường và đại diện các tổ chức hoặc cá nhân hợp tác với Trường Đại học Y Dược Cần Thơ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, NCKH-HTQT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Trung Kiên

**QUY ĐỊNH CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2292~~/QĐ-ĐHYDCT

Ngày ...~~20~~... tháng ~~11~~ năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành Quy định Chuyển giao công nghệ

- Thực hiện đúng các quy định của Nhà nước, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (ĐHYDCT) về chuyển giao công nghệ.
- Thực hiện đúng theo các thỏa thuận trong hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa Trường và đơn vị, tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng
- Tạo điều kiện thuận lợi cho đơn vị, công chức, viên chức trong Trường thực hiện công việc chuyển giao công nghệ.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về hoạt động chuyển giao công nghệ của Trường ĐHYDCT; thẩm định công nghệ dự án đầu tư; hợp đồng chuyển giao công nghệ; biện pháp khuyến khích chuyển giao công nghệ.
2. Các đơn vị, công chức, viên chức Trường đề nghị thực hiện chuyển giao công nghệ cho các đơn vị, tổ chức cá nhân ngoài Trường; các đơn vị, tổ chức và cá nhân ký hợp đồng chuyển giao công nghệ với Trường.

Điều 3. Các định nghĩa

Trong phạm vi điều chỉnh của Quy định này, các thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Công nghệ là giải pháp, quy trình, bí quyết có kèm hoặc không kèm công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm.
2. Công nghệ tiên tiến là công nghệ có trình độ công nghệ cao hơn trình độ công nghệ cùng loại hiện có tại Việt Nam, đã được ứng dụng trong thực tiễn, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm vượt trội và thân thiện với môi trường.
3. Chuyển giao công nghệ là chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ hoặc chuyển giao quyền sử dụng công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ.
4. Thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ là hoạt động khai thác, hoàn thiện, ứng dụng, chuyển giao, hoạt động khác có liên quan đến kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ nhằm mục đích thu lợi nhuận.
5. Ươm tạo công nghệ là quá trình nhằm tạo ra, hoàn thiện, thương mại hóa công nghệ từ ý tưởng công nghệ, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

hoặc từ công nghệ chưa hoàn thiện thông qua các hoạt động trợ giúp về hạ tầng kỹ thuật, nguồn lực và dịch vụ cần thiết.

6. *Đánh giá công nghệ* là hoạt động xác định trình độ, hiệu quả kinh tế, tác động của công nghệ đến môi trường, kinh tế - xã hội.

7. *Thẩm định giá công nghệ* là việc cơ quan, tổ chức có chức năng thẩm định giá công nghệ xác định giá trị bằng tiền của công nghệ phù hợp với giá thị trường tại một địa điểm, thời điểm nhất định, phục vụ cho mục đích nhất định theo tiêu chuẩn thẩm định giá.

8. *Tư vấn chuyển giao công nghệ* là hoạt động hỗ trợ lựa chọn, ứng dụng công nghệ; khai thác thông tin công nghệ, thông tin sáng chế, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; đàm phán, ký kết và thực hiện chuyển giao công nghệ.

9. *Chuyển giao kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh* là chuyển giao giải pháp, phương pháp, quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

10. *Nghiệm thu kỹ thuật chuyển giao* là hoạt động xác định các chỉ tiêu của kỹ thuật đã được chuyển giao so với các chỉ tiêu của kỹ thuật được quy định trong hợp đồng chuyển giao kỹ thuật.

11. *Chuyển giao kỹ thuật hoàn thành*: Việc chuyển giao kỹ thuật được coi là hoàn thành khi người tiếp nhận chuyển giao làm chủ được kỹ thuật và cơ sở khám chữa bệnh được đủ điều kiện đề xuất để bổ sung danh mục kỹ thuật. Chuyển giao kỹ thuật hoàn thành được đánh giá trên cơ sở kết quả giám định kỹ thuật chuyển giao.

12. *Kíp kỹ thuật*: Là nhóm cán bộ chuyên môn phối hợp để thực hiện kỹ thuật.

13. *Chuyển giao kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh từ nước ngoài vào Việt Nam* là việc tổ chức, đơn vị hoạt động ở nước ngoài chuyển giao kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam.

14. *Chuyển giao kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh từ Việt Nam ra nước ngoài* là việc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam chuyển giao kỹ thuật cho tổ chức, đơn vị hoạt động ở nước ngoài.

Chương II

QUYỀN CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Điều 4. Đối tượng công nghệ được chuyển giao

1. Công nghệ được chuyển giao là một hoặc các đối tượng sau đây:

- a) Bí quyết kỹ thuật, bí quyết công nghệ;
- b) Phương án, quy trình công nghệ; giải pháp, thông số, bản vẽ, sơ đồ kỹ thuật; công thức, phần mềm máy tính, thông tin dữ liệu;
- c) Giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ;
- d) Máy móc, thiết bị đi kèm một trong các đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

2. Trường hợp đối tượng công nghệ quy định tại khoản 1 Điều này được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ thì việc chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ được thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Điều 5. Hình thức chuyển giao công nghệ

1. Chuyển giao công nghệ độc lập.
2. Phần chuyển giao công nghệ trong trường hợp sau đây:
 - a) Dự án đầu tư;
 - b) Góp vốn bằng công nghệ;
 - c) Nhượng quyền thương mại;
 - d) Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ;
3. Việc chuyển giao công nghệ quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều này phải được lập thành hợp đồng; việc chuyển giao công nghệ tại các điểm a, c, d khoản 2 Điều này được thể hiện dưới hình thức hợp đồng hoặc điều, khoản, phụ lục của hợp đồng hoặc của hồ sơ dự án đầu tư.

Điều 6. Phương thức chuyển giao công nghệ

1. Chuyển giao tài liệu về công nghệ.
2. Đào tạo cho bên nhận công nghệ nắm vững và làm chủ công nghệ trong thời hạn thỏa thuận.
3. Cử chuyên gia tư vấn kỹ thuật cho bên nhận công nghệ đưa công nghệ vào ứng dụng, vận hành để đạt được các chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm, tiến độ theo thỏa thuận.
4. Phương thức chuyển giao khác do các bên thỏa thuận.

Điều 7. Quyền chuyển giao công nghệ

1. Chủ sở hữu công nghệ có quyền chuyển nhượng quyền sở hữu, chuyển giao quyền sử dụng công nghệ.
2. Tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng công nghệ được chuyển giao quyền sử dụng công nghệ đó cho tổ chức, cá nhân khác khi chủ sở hữu công nghệ đồng ý.
3. Phạm vi chuyển giao quyền sử dụng công nghệ do các bên thỏa thuận bao gồm:
 - a) Độc quyền hoặc không độc quyền sử dụng công nghệ;
 - b) Quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ của bên nhận chuyển giao cho bên thứ ba.

Chương III

HỢP ĐỒNG CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Điều 8. Giao kết và thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Việc giao kết hợp đồng chuyển giao công nghệ phải được lập thành văn bản hoặc hình thức khác được coi là giao dịch bằng văn bản theo quy định của Bộ luật Dân sự. Văn bản hợp đồng phải được các bên ký, đóng dấu (nếu có); ký, đóng dấu giáp lai (nếu có) vào các trang của hợp đồng, phụ lục hợp đồng.
2. Ngôn ngữ trong hợp đồng chuyển giao công nghệ do các bên thỏa thuận.
3. Hợp đồng chuyển giao công nghệ được giao kết và thực hiện theo quy định này, và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Nội dung hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Tên công nghệ được chuyển giao.

2. Đối tượng công nghệ được chuyển giao, sản phẩm do công nghệ tạo ra, tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm.
3. Chuyển nhượng quyền sở hữu, chuyển giao quyền sử dụng công nghệ.
4. Phương thức chuyển giao công nghệ.
5. Quyền và nghĩa vụ của các bên.
6. Giá, phương thức thanh toán.
7. Thời hạn, thời điểm có hiệu lực của hợp đồng.
8. Khái niệm, thuật ngữ sử dụng trong hợp đồng (nếu có).
9. Kế hoạch, tiến độ chuyển giao công nghệ, địa điểm thực hiện chuyển giao công nghệ.
10. Trách nhiệm bảo hành công nghệ được chuyển giao.
11. Phạt vi phạm hợp đồng.
12. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.
13. Cơ quan giải quyết tranh chấp.
14. Nội dung khác do các bên thỏa thuận.

Điều 10. Thời hạn thực hiện và thời điểm có hiệu lực của hợp đồng chuyển giao công nghệ

1. Thời hạn thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ do các bên thỏa thuận.
2. Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng chuyển giao công nghệ do các bên thỏa thuận; trường hợp các bên không thỏa thuận về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng thì thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là thời điểm giao kết

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của bên giao công nghệ

1. Bên giao công nghệ có quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu bên nhận công nghệ thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng;
 - b) Được thanh toán đầy đủ và hưởng quyền, lợi ích khác theo thỏa thuận trong hợp đồng;
 - c) Được thuê tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật;
 - d) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến công nghệ được chuyển giao;
 - đ) Yêu cầu bên nhận công nghệ áp dụng biện pháp khắc phục, bồi thường thiệt hại trong trường hợp bên nhận công nghệ không thực hiện đúng nghĩa vụ quy định trong hợp đồng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;
 - e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.
2. Bên giao công nghệ có nghĩa vụ sau đây:
 - a) Bảo đảm quyền chuyển giao công nghệ là hợp pháp và không bị hạn chế bởi bên thứ ba, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;
 - b) Thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng; bồi thường thiệt hại cho bên nhận công nghệ, bên thứ ba do vi phạm hợp đồng;
 - c) Giữ bí mật thông tin về công nghệ và thông tin khác trong quá trình đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ theo thỏa thuận;

d) Thông báo cho bên nhận công nghệ và thực hiện các biện pháp thích hợp khi phát hiện có khó khăn về kỹ thuật của công nghệ được chuyển giao làm cho kết quả chuyển giao công nghệ có khả năng không đúng cam kết trong hợp đồng;

đ) Đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao từ Việt Nam ra nước ngoài, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;

e) Thực hiện nghĩa vụ về tài chính, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của bên nhận công nghệ

1. Bên nhận công nghệ có quyền sau đây:

a) Yêu cầu bên giao công nghệ thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến công nghệ được chuyển giao;

c) Được thuê tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật;

d) Yêu cầu bên giao công nghệ áp dụng biện pháp khắc phục, bồi thường thiệt hại trong trường hợp bên giao công nghệ không thực hiện đúng nghĩa vụ quy định trong hợp đồng, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Bên nhận công nghệ có nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng; bồi thường thiệt hại cho bên giao công nghệ, bên thứ ba do vi phạm hợp đồng;

b) Giữ bí mật thông tin về công nghệ và thông tin khác trong quá trình đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ theo thỏa thuận;

c) Đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;

d) Thực hiện nghĩa vụ về tài chính, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Giá, phương thức thanh toán chuyển giao công nghệ

1. Giá công nghệ chuyển giao do các bên thỏa thuận.

2. Việc thanh toán được thực hiện bằng phương thức sau đây:

a) Trả một lần hoặc nhiều lần bằng tiền hoặc hàng hóa;

b) Chuyển giá trị công nghệ thành vốn góp vào dự án đầu tư hoặc vào vốn của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

c) Trả theo phần trăm (%) giá bán tịnh;

d) Trả theo phần trăm (%) doanh thu thuần;

đ) Trả theo phần trăm (%) lợi nhuận trước thuế của bên nhận;

e) Phương thức thanh toán khác do các bên thỏa thuận.

Chương IV

BIỆN PHÁP THÚC ĐẨY, KHUYẾN KHÍCH CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ, ỨNG DỤNG, ĐỔI MỚI CÔNG NGHỆ VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA TRƯỜNG ĐHYDCT

Điều 14. Hỗ trợ cá nhân tham gia hoạt động nghiên cứu chuyên gia, ứng dụng, đổi mới công nghệ

a) Được ưu tiên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ;

b) Được ưu tiên đưa vào cơ sở dữ liệu chuyên gia khoa học và công nghệ;

Điều 15. Giao quyền sở hữu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Nhà nước hỗ trợ kinh phí

1. Kết quả xác định giá trị tài sản của kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phần sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định giao quyền sở hữu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Trình tự, thủ tục giao quyền sở hữu kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 16. Phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tạo ra bằng ngân sách nhà nước

Việc phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tạo ra bằng ngân sách nhà nước được thực hiện như sau:

1. Đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, mức thù lao trả cho tác giả thực hiện theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ.

2. Đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ chưa được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, mức thù lao trả cho tác giả thực hiện theo quy định của pháp luật khoa học và công nghệ.

3. Tổ chức trung gian, người môi giới được hưởng mức phân chia lợi nhuận theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không quá 10%, trường hợp các bên không có thỏa thuận thì áp dụng mức 10%.

4. Trường hợp giao quyền sử dụng có yêu cầu trả một phần lợi nhuận cho nhà trường, việc phân chia lợi nhuận cho Nhà trường thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

5. Sau khi phân chia cho các bên liên quan, tổ chức chủ trì được sử dụng phần lợi nhuận còn lại như sau:

a) Dành đến 50% đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ, trích lập hoặc bổ sung quỹ phát triển khoa học và công nghệ;

b) Phần lợi nhuận còn lại sử dụng cho khen thưởng, phúc lợi và đầu tư phát triển của tổ chức chủ trì.

Chương V

ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHUYỂN GIAO KỸ THUẬT KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH CỦA BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

Điều 17. Điều kiện đối với kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh được chuyển giao, tiếp nhận chuyển giao

1. Kỹ thuật chuyển giao giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong nước

a) Thuộc danh mục kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt danh mục kỹ thuật, quy trình kỹ thuật.

b) Đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới được nghiên cứu lần đầu tiên tại Việt Nam thì phải đáp ứng quy định tại Điểm a Khoản 1, Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 07/2015/TT-BYT quy định chi tiết điều kiện, thủ tục cho phép áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới được nghiên cứu lần đầu tiên tại Việt Nam trong khám bệnh, chữa bệnh.

2. Kỹ thuật chuyển giao từ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài cho cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong nước

a) Kỹ thuật đã được áp dụng hợp pháp tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nước ngoài nơi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đó hoạt động.

b) Đối với kỹ thuật mới, phương pháp mới thì phải đáp ứng quy định tại Điểm b Khoản 1, Khoản 2 Điều 2 Thông tư số 07/2015/TT-BYT quy định chi tiết điều kiện, thủ tục cho phép áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 18. Điều kiện đối với cơ sở chuyển giao kỹ thuật

1. Cơ sở chuyển giao kỹ thuật đã được cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

2. Kỹ thuật dự kiến chuyển giao là kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thực hiện.

3. Có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực để thực hiện được việc chuyển giao kỹ thuật.

Điều 19. Điều kiện đối với cơ sở tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật

1. Cơ sở tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật đã được cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

2. Có đủ điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực để thực hiện tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật.

Điều 20. Điều kiện đối với người chuyển giao kỹ thuật

1. Có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có phạm vi chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

2. Có kinh nghiệm thực hiện kỹ thuật dự kiến chuyển giao được người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh xác nhận và chịu trách nhiệm phân công chuyển giao kỹ thuật.

Điều 21. Điều kiện đối với người tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật

1. Có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh có phạm vi chuyên môn phù hợp với kỹ thuật tiếp nhận chuyển giao theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

2. Đáp ứng các yêu cầu đặc thù khác đối với từng kỹ thuật tiếp nhận chuyển giao.

Điều 22. Tổ chức thực hiện chuyển giao kỹ thuật

1. Việc chuyển giao kỹ thuật được thực hiện sau khi Hợp đồng chuyển giao kỹ thuật giữa Bên chuyển giao và Bên tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt, bao gồm các bước sau:

a) Đào tạo kíp kỹ thuật tại cơ sở chuyển giao kỹ thuật về lý thuyết; thực hành tiền lâm sàng (trên mô hình hoặc trên động vật); thực hành lâm sàng (trên người bệnh).

b) Đào tạo thực hành lâm sàng cho kíp kỹ thuật tại đơn vị tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật, bảo đảm kíp kỹ thuật bước đầu độc lập thực hiện được kỹ thuật.

c) Giám sát hỗ trợ kíp kỹ thuật thực hiện kỹ thuật để bảo đảm kíp kỹ thuật làm chủ được kỹ thuật đã được chuyển giao đồng thời cơ sở tiếp nhận kỹ thuật đủ điều kiện đề xuất bổ sung danh mục kỹ thuật của đơn vị.

2. Căn cứ năng lực chuyên môn của kíp cán bộ tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật và điều kiện thực tế, bên chuyển giao chuyển giao kỹ thuật quyết định việc thực hiện giao kỹ thuật đầy đủ các bước hoặc không đủ các bước nêu trên.

Điều 23. Tiêu chí đánh giá chuyển giao kỹ thuật hoàn thành

1. Tiêu chí đánh giá chuyển giao kỹ thuật hoàn thành được xây dựng nhằm xác định kết quả chuyển giao kỹ thuật, thể hiện việc làm chủ kỹ thuật của người tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật. Tiêu chí chuyển giao kỹ thuật hoàn thành là cơ sở để nghiệm thu, thanh lý hợp đồng chuyển giao kỹ thuật.

2. Tiêu chí đánh giá chuyển giao kỹ thuật hoàn thành được xác định bằng số ca kỹ thuật mà kíp tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật độc lập thực hiện thành công với tỷ lệ tai biến cho phép, bảo đảm đủ điều kiện để cơ sở tiếp nhận kỹ thuật chuyển giao trình cấp có thẩm quyền bổ sung danh mục kỹ thuật.

Điều 24. Chi phí thực hiện chuyển giao kỹ thuật

1. Đối với các chương trình chuyển giao kỹ thuật do nguồn ngân sách nhà nước đài thọ

a) Chế độ đối với cán bộ chuyển giao kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2014/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 14/2013/QĐ-TTg ngày 20 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

b) Kinh phí thực hiện đào tạo theo chương trình chuyển giao kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng

kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

2. Giá chi phí thực hiện chuyển giao theo nhu cầu phát triển của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh không thuộc chương trình được nguồn ngân sách nhà nước đài thọ được thống nhất giữa bên chuyên giao và bên tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật.

Điều 25. Thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với các dịch vụ kỹ thuật y tế trong quá trình chuyển giao tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật

Việc thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với các dịch vụ kỹ thuật y tế trong quá trình chuyển giao tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 27 Nghị định chính phủ số 146/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2018 hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế.

Hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế đối với các dịch vụ kỹ thuật y tế trong quá trình chuyển giao tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tiếp nhận chuyển giao kỹ thuật thực hiện theo quy định tại Khoản áp dụng theo quy định hiện hành về giá khám chữa bệnh BHYT, đối với trường hợp người bệnh không tham gia BHYT thì áp dụng theo quy định giá dịch vụ tại đơn vị tiếp nhận chuyển giao.

Chương VI

CÁC ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Trách nhiệm thi hành

1. Mọi cán bộ - viên chức, nhân viên thời vụ của trường Đại học Y Dược Cần Thơ phải được biết về các quy định liên quan đến mình trong Quy chế này trước khi ký hợp đồng, thỏa thuận, hợp tác với Trường ĐHYDCT;

2. Các đơn vị, công chức, viên chức Trường đề nghị thực hiện chuyển giao công nghệ cho các đơn vị, tổ chức cá nhân ngoài Trường có nhu cầu tiếp nhận công nghệ.

Điều 27. Tổ chức thực hiện

1. Trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan theo dõi, tổng hợp, đánh giá hiệu quả ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sau khi được hỗ trợ hoàn thiện.

2. Các đơn vị và khoa thuộc trường có trách nhiệm tổ chức triển khai, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra thực hiện quy định này.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./



Nguyễn Trung Kiên